

MỤC LỤC

C3 + 10

	Trang
I. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	4
II. DƯỚI LỜI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ VIỆC THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI	11
III. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (TÍNH ĐẾN 1/4/1994)	16
1/ Tình hình cấp và rút giấy phép	16
2/ Cơ cấu đầu tư theo đối tác nước ngoài	24
3/ Tình hình các dự án bị rút giấy phép	27
IV. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI CHỦ QUYỀN QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	28
1/ Vấn đề đầu tư nước ngoài và việc tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	28
2/ Vấn đề sử dụng lao động ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	37
3/ Vấn đề đầu tư nước ngoài đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của thành phố	45
4/ Vấn đề đóng góp của các doanh nghiệp nước ngoài đối với ngân sách	49
5/ Vấn đề công nghệ trong các doanh nghiệp có vốn đầu	52

từ nước ngoài

6/ Vấn đề thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài 54

7/ Vấn đề bảo vệ môi trường trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài 56

8/ Vấn đề làm thay đổi cơ cấu nền kinh tế Việt Nam tạo điều kiện để Việt Nam hòa nhập vào nền kinh tế thế giới 58

V. CHỦ QUYỀN QUỐC GIA BỊ ĐÁNH MẤT TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ 60

1/ Vai trò quyết định về quản trị trong các doanh nghiệp có vốn nước ngoài về phía Việt Nam rất thấp 60

2/ Quyền lợi của người công nhân bị vi phạm 63

3/ Sự tuân thủ các nghĩa vụ về thuế theo luật pháp bị vi phạm 64

4/ Các ý đồ về hiện đại hóa, công nghiệp hóa nền kinh tế của Đảng và Nhà nước bị vi phạm 66

5/ Sự vi phạm chủ quyền quốc gia trong lãnh vực khai thác các nguồn tài nguyên của đất nước 68

VI. MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỀ XUẤT NHẪM HẠN CHẾ SỰ ĐÁNH MẤT CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 76

1/ Nhà nước cần phải có một chiến lược kinh tế đối ngoại cụ thể và đặc biệt phải có chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài 76

2/ Biện pháp quản lý công nghệ 78

3/ Biện pháp quản lý lao động, bảo vệ quyền lợi người lao động 81

4/ Biện pháp về quản lý đất đai trong góp vốn đầu tư hoặc cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh	85
5/ Biện pháp gia tăng quyền quyết định để bớt bị phụ thuộc	88
6/ Biện pháp bảo vệ quyền lợi của ngân sách	90
7/ Biện pháp phân công quản lý rõ ràng và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước	92
8/ Cải tiến thủ tục hành chính và luật pháp để gây niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài	94
9/ Xây dựng một chiến lược con người có hiệu quả	95

ĐẦU TƯ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ CHỨC QUYỀN QUỐC GIA TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU :

Trong bối cảnh của nền kinh tế thế giới hiện đại, tất cả các nền kinh tế của mỗi quốc gia đều phải cố gắng đưa nền kinh tế của mình hòa nhập vào nền kinh tế thế giới để tạo điều kiện cho mỗi nền kinh tế riêng rẽ ổn định và phát triển. Điều đó đang diễn ra một cách mạnh mẽ có tính quy luật vì mấy lẽ sau đây :

- Sự phân công lao động quốc tế đã mang lại hiệu quả cao trong phát triển kinh tế thế giới nói chung và trong nền kinh tế của từng nước riêng rẽ. Ở đó thị trường tiêu thụ sản phẩm do một nước sản xuất ra là thị trường thế giới là chủ yếu chứ không phải thị trường trong nước. Ở đó tính chất xã hội hóa của sản phẩm ngày càng cao. Sản phẩm sản xuất ra ở mỗi nước được tiêu thụ ở nhiều nước khác trên thế giới với qui mô ngày càng cao hơn.

- Để khai thác tài nguyên quốc gia có hiệu quả hơn nó đòi hỏi phải sử dụng công nghệ hiện đại và khai thác với qui mô lớn. Điều đó dẫn đến sự hợp tác giữa các nước trên thế giới ngày càng chặt chẽ hơn thể hiện qua các hình thức liên kết kinh tế quốc tế có trình độ cao như các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế lớn như EU, ASEAN ... hoặc với trình độ thấp hơn như sự liên doanh đầu tư trực tiếp của một nước này với một nước khác.

- Ở các nước đang phát triển tài nguyên thiên nhiên còn nhiều, lực lượng lao động dồi dào nhưng vốn sản xuất được tích lũy rất chậm dẫn đến tốc độ phát triển kinh tế cũng rất thấp và do đó khả năng tiêu

thụ sản phẩm thế giới cũng chiếm một tỉ lệ thấp, không tạo ra được một thị trường lớn cho sản xuất trong nước và thế giới. Ngược lại ở các nước phát triển có tiềm năng mở rộng đầu tư sản xuất rất cao, nhưng đòi hỏi phải có thị trường từ bên ngoài là chủ yếu, vì thị trường trong nước đã bão hòa. Nhu cầu xuất khẩu hàng hóa với quy mô lớn và giá trị cao đòi hỏi phải tạo thị trường.

Ở đây chúng ta thấy có một sự trùng khớp, trong đó với thỏa mãn nhu cầu của nhau xảy ra : Một bên do yêu cầu gia tăng tốc độ phát triển cần phải gia tăng tốc độ đầu tư và cần nhập khẩu vốn. Ngược lại một bên muốn gia tăng tốc độ tiêu thụ sản phẩm, gia tăng lợi nhuận nên phải xuất khẩu vốn để tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, khai thác tài nguyên thiên nhiên và lao động rẻ.

Việt Nam là một trong một số nước chậm phát triển, nhu cầu về vốn để phát triển nền kinh tế rất lớn. Theo dự tính chung từ 1990 đến năm 2000 Việt Nam cần một lượng vốn đầu tư, chừng 50 tỉ USD để có thể phát triển nền kinh tế với tốc độ bình quân hàng năm chừng 10 % / năm.

Nói một cách khác là : Việt Nam là một trong những nước có nhu cầu tiếp nhận vốn của nước ngoài ngày mỗi cao hơn.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để sử dụng vốn nhập khẩu của nước ngoài cho có hiệu quả nhất, phù hợp với mục đích, đường lối chính sách của một nhà nước xã hội chủ nghĩa, phù hợp với một nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài với một nước vừa có bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền cơ chế thị trường, chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý thích hợp với cơ chế mới có thể làm cho việc sử dụng vốn kém hiệu quả và có thể dẫn nền kinh tế đi đến một nước nợ nước ngoài rất lớn, nhưng nền kinh tế không phát triển đứng với mức

độ vốn đã đầu tư, lệ thuộc vào các siêu Công ty quốc tế, không thể có một đường lối kinh tế đối ngoại độc lập.

Nghiên cứu sự phát triển của các nước đang phát triển, các nhà kinh tế thế giới đã kết luận nền kinh tế đó phải trải qua 4 giai đoạn như sau:

I	II	III	IV
Con nợ thế giới	Con nợ phát triển	Chủ nợ nhỏ	Chủ nợ lớn

Giai đoạn I : Giai đoạn con nợ thế giới là giai đoạn mà một nước phải thu hút vốn nước ngoài với quy mô và tốc độ lớn để phát triển nền kinh tế. Nếu nước đó sử dụng vốn có hiệu quả thì sẽ thoát ra khỏi ngưỡng cửa của sự nghèo khổ, có thu nhập bình quân đầu người từ 500 USD / người đến 1.000 USD / người trên một năm. Nền kinh tế kết thúc ở giai đoạn này đã tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế trong tương lai. Có cơ sở hạ tầng vững chắc : Điện nước, bưu điện, giao thông vận tải đã được phát triển và có khả năng chuyển tải cho một nền kinh tế cao hơn.

Giai đoạn II : Giai đoạn con nợ phát triển.

Đây là giai đoạn mà nước thu hút vốn nước ngoài phát huy các tiềm năng hiện có thể hiện qua các mặt như hàng hóa sản xuất ra có thị trường ổn định và ngày càng phát triển ở trong nước và trên thế giới. Tài nguyên thiên nhiên được khai thác có hiệu quả (không bị lãng phí), tỉ lệ hàng hóa xuất khẩu cao đủ bù đắp cho nhập khẩu và trả nợ thế giới, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng lên với một nhịp độ tương đối cao. Kết thúc giai đoạn này thu nhập bình quân đầu người phải đạt 5.000 USD / người / năm và nền kinh tế được coi là đang ở giai đoạn cất cánh.

Giai đoạn III : Nền kinh tế phát triển ổn định, có thị trường sản phẩm rộng lớn, tích lũy đảm bảo cho đầu tư mở rộng trong nước và có khả năng xuất khẩu vốn ra nước ngoài. Thu nhập bình quân đầu người tăng cao và kết thúc ở mức trên 10.000 USD / người / năm.

Giai đoạn IV : Giai đoạn phát triển cao, có tiềm năng lớn về công nghệ sản xuất và hàng hóa có tiêu chuẩn chất lượng cao, xuất khẩu hàng hóa có tỉ lệ lớn đạt trên 50 % hàng hóa sản xuất ra. Các nước này ngày càng xuất khẩu tư bản ra nước ngoài rất lớn để tạo thị trường cho xuất, nhập khẩu hàng hóa và cho có vị trí lớn trên trường quốc tế.

Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển này và đang trở thành con nợ lớn của thế giới. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam là phải có chiến lược sử dụng vốn để vốn thu hút được phát huy hiệu quả đưa Việt Nam thoát qua giai đoạn đầu tiên của quá trình phát triển hay còn gọi là thoát qua ngưỡng cửa của sự nghèo khó.

Trong thời gian qua, việc thu hút vốn của nước ngoài đã mang lại những kết quả nhất định, nhưng bên cạnh những kết quả đáng khích lệ đó, vấn đề chủ quyền quốc gia cũng được đặt ra như là một mục tiêu quan trọng cần phải được bảo vệ trong quá trình thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào nền kinh tế.

Chủ quyền quốc gia trong các doanh nghiệp có vốn nước ngoài ở đây được hiểu như là các quyền lợi thiết thực của nền kinh tế bao gồm các vấn đề sau đây :

Tạo tiền đề cho sự phát triển : sự thu hút vốn nước ngoài phải tạo ra các tiền đề về thu hút công nghệ hiện đại, xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc cho nền kinh tế, có điều kiện để phát triển nền kinh tế lâu dài, tạo ra một thị trường quốc tế ổn định và có tiềm

năng mở rộng trong tương lai cho nền kinh tế Việt Nam, cũng như thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước.

- Bảo đảm việc khai thác tài nguyên quốc gia có hiệu quả : Tài nguyên quan trọng nhất là lực lượng lao động. Thu hút vốn nước ngoài phải tạo ra công ăn việc làm cho người lao động và đảm bảo các quyền lợi về nghỉ ngơi, giải trí ... Mặt thứ hai là bảo đảm cho người lao động nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

Tài nguyên quan trọng thứ hai là tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam có một nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng. Việc thu hút vốn nước ngoài phải nhằm khai thác các nguồn tài nguyên có hiệu quả nhất tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao trên thị trường và tạo ra điều kiện tái sản xuất mở rộng các nguồn tài nguyên, sự cạn kiệt tài nguyên kể cả tài nguyên lao động sẽ là một nguy cơ lớn đối với một nền kinh tế về lâu dài.

Sự đóng góp của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài vào quá trình tích lũy vốn tái sản xuất mở rộng và ngân sách quốc gia và các nghĩa vụ được luật quy định.

Thông thường các doanh nghiệp có vốn nước ngoài là những doanh nghiệp có trình độ công nghệ và quản lý cao. Do vậy về khả năng tích lũy vốn tái sản xuất mở rộng là một khả năng hiện thực, đồng thời nó phải làm đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước theo đúng luật pháp đã quy định. Luật pháp vừa thể hiện quyền lợi, vừa thể hiện các đường lối, chính sách của nhà nước. Vì vậy bất cứ một doanh nghiệp nào hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Sự vi phạm luật pháp là một biểu hiện sự vi phạm chủ quyền quốc gia cần phải xử lý.

Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng, nếu quá e ngại việc xâm phạm chủ quyền quốc gia của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài

mà chúng ta đưa ra nhiều quy định phức tạp làm chậm quá trình thu hút vốn nước ngoài thì điều đó cũng làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, kéo dài thời kỳ phát triển quá độ lên sản xuất lớn : Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế nước nhà.

- Sự đóng góp của vốn nước ngoài vào việc cải đổi cơ cấu nền kinh tế phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và nhà nước trong giai đoạn mới, đưa nền kinh tế hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Cải đổi cơ cấu nền kinh tế, tức là thực hiện một cơ cấu kinh tế mới, trong đó sự gia tăng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn - có tính chiến lược - ngày càng được đầu tư với tốc độ cao hơn.

Trong tiến trình Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế hiện nay các ngành công nghiệp chế tạo máy, giao thông vận tải, chế biến nông sản, hải sản, khai thác và chế biến dầu lửa... đòi hỏi có một sự đầu tư lớn, đặc biệt là đầu tư cho công nghệ sản xuất tiên tiến. Vốn trong nước không thể thỏa mãn cho nhu cầu này được, mà cần phải có sự thu hút mạnh nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là thu hút sự đầu tư của nước ngoài vào các lãnh vực này.

Để cho việc thu hút vốn nước ngoài phục vụ việc cải đổi cơ cấu nền kinh tế thì nó đòi hỏi nhà nước phải có chính sách cụ thể để khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn vào các ngành kinh tế mà vốn trong nước đang thiếu, đang gặp khó khăn về giải quyết công nghệ.

Bất cứ một quốc gia nào muốn phát triển nền kinh tế, hòa nhập vào nền kinh tế thế giới một cách vững chắc và hiệu quả đều phải có một chiến lược về cơ cấu sản phẩm, dịch vụ.

Muốn như vậy phải có một sự nghiên cứu kỹ các xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới chung, để từ đó quyết định cơ cấu sản

phần của nước mình sao cho phù hợp. Cơ cấu đó cho phép quốc gia đó ngày càng gia tăng được khối lượng hàng hóa xuất khẩu lớn, ngày càng thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước tốt hơn.

Quan niệm về một cơ cấu kinh tế hợp lý ngày nay không thể nào khác hơn là đưa ra một cơ cấu kinh tế mà nó cho phép nền kinh tế nước đó dần dần trở thành bộ phận không thể thiếu được hay hơn nữa là bộ phận chủ yếu của nền kinh tế thế giới.

Trong chiều hướng xem xét làm thế nào mà chúng ta có thể tiếp thu vốn nước ngoài một cách có lợi nhất, giúp cho người ta vượt qua được ngưỡng cửa của sự nghèo khổ và bước vào giai đoạn cất cánh của nền kinh tế, sánh vai cùng bạn bè năm châu mà chúng ta không bị lệ thuộc vào bất cứ một nước nào, không đánh mất các quyền lợi thiết thân của quốc gia trong quá trình tiếp thu và phát huy hiệu quả. Vốn nước ngoài đó là mục tiêu của đề tài nghiên cứu này.

Mục tiêu của đề tài nghiên cứu này là nhằm xác định rõ vai trò của vốn nước ngoài đối với sự phát triển của nền kinh tế nước ta nói chung và của TP. Hồ Chí Minh nói riêng. Qua đó phân tích quá trình tiếp thu vốn nước ngoài của thành phố trong thời gian qua và có một nhận định đầy đủ về hiệu quả kinh tế xã hội mà thành phố chúng ta đã thu hoạch được từ vốn nước ngoài, vạch ra những điểm thiếu sót cần phải sửa đổi để việc tiếp thu vốn nước ngoài được dễ dàng hơn vì có hiệu quả hơn.

Mục tiêu thứ hai của đề tài là giải quyết vấn đề chủ quyền quốc gia trong việc tiếp thu vốn nước ngoài. Đây là vấn đề trung tâm của đề tài. Việc giải quyết vấn đề này là nhằm xác định rõ quan điểm về chủ quyền quốc gia, khi nào và như thế nào là vi phạm chủ quyền quốc gia trong lãnh vực tiếp nhận vốn nước ngoài và làm thế nào để tránh được vi phạm chủ quyền quốc gia như đã nói ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Giải quyết vấn đề này nhằm giải quyết được về mặt tư tưởng cho rằng tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài càng nhiều càng bị nước ngoài chi phối và như vậy là chúng ta đã đánh mất chủ quyền quốc gia. Vấn đề thứ hai là nếu tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài không dựa trên một chiến lược cơ bản, và một sách lược hiệu quả sẽ dẫn nền kinh tế đi vào ngõ cụt : vốn nước ngoài đã bị phung phí vô ích, và đất nước trở thành con nợ lớn của thế giới và không thể nào trả được nợ. Và do vậy có thể dẫn đến một sự lệ thuộc bắt buộc chấp nhận các điều kiện bất thuận lợi cho quá trình xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

II / ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ VIỆC THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.

Việc chuyển đổi cơ chế nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung qua cơ chế thị trường của nước ta hiện nay đã dẫn đến một hệ luận tất yếu là nền kinh tế ấy phải hòa nhập vào nền kinh tế thế giới để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa do trong nước sản xuất ra và nền kinh tế ấy phải trở thành một thị trường tiêu thụ hàng hóa của thế giới. Và điều này tất nhiên dẫn đến nhu cầu phải thực đẩy sự xã hội hóa sản phẩm trong nước do trong nước sản xuất ra bằng cách nâng cao chất lượng hàng hóa và hạ chi phí sản xuất, thực hiện phân công lao động và hợp tác quốc tế trong lãnh vực kinh tế.

Trong thời gian qua kể từ Đại hội 5 của Đảng đến nay Đảng và nhà nước ta đã đặt vấn đề thu hút vốn nước ngoài như là một điều kiện quan trọng hàng đầu để tìm kiếm công nghệ tiên tiến, để gia tăng tốc độ phát triển nền kinh tế. Trong thời kỳ từ 1995 - đến năm 2000 là thời kỳ nước ta cần phải thu hút một lượng vốn nước ngoài khoảng 40 tỉ USD - 50 tỉ USD để hằng năm chúng ta có thể đẩy tốc độ phát triển trên mức 10 % mỗi năm.